

Thứ ba, ngày 25 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường khởi sắc

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/2/2020		•	
Tuần 24/2-28/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Chịu ảnh hưởng tiêu cực khi chỉ số Nikkei của Nhật Bản sụt giảm mạnh hơn 3%, trong phiên sáng, VN-Index lùi về vận động chủ yếu dưới mốc tham chiếu. Các mã VHM, VIC, VCB, GAS, VJC là các tác nhân gây áp lực chính lên chỉ số. Đến phiên chiều, VN-Index thu hẹp đà giảm và thành công lấy lại được sắc xanh trong những phút cuối phiên. Sự hồi phục chủ yếu đến từ nhóm ngành Ngân hàng với các mã BID, VPB, TCB, MBB, và đặc biệt là CTG tăng trần trong phiên hôm nay. Độ rộng thị trường nghiêng phần lớn về bên mua với 218 mã tăng giá. Tâm lý ổn định đã quay trở lại với thị trường khi thanh khoản quay trở lại mức trung bình thấp. Mặc dù vậy, áp lực bán rông mạnh của khối ngoại vẫn hiện diện, cho thấy vận động của VN-Index trong thời gian sắp tới sẽ chủ yếu là giằng co tích lũy trên nền đáy 900 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay đồng thuận với trạng thái tăng của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/2/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme Ngân hàng 3.4%. 16/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.4%**, con số này của VNINDEX là 0.7%.

Phân tích kỹ thuật: FPT_ Tín hiệu Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+6.33 điểm**, đóng cửa 909.67. HNX-Index **+2.48 điểm**, đóng cửa 106.66.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+3.07); CTG (+1.96); VPB (+1.12); VNM (+0.82); TCB (+0.73).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.06); VHM (-0.85); GAS (-0.49); HVN (-0.45); VIC (-0.29).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,987 tỷ đồng**, -28% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 15.72 điểm. Thị trường có 218 mã tăng, 50 mã tham chiếu 142 mã giảm.
- Giá trị bán rông của khối ngoại: **112.57 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (68.74 tỷ), HAG (19.49 tỷ) và NVL (12.24 tỷ). Khối ngoại bán rông trên sàn HNX với giá trị **14.83 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

909.67

Giá trị: 2987.85 tỷ

6.33 (0.7%)

Khối ngoại (ròng): -112.57 tỷ

HNX-INDEX

106.66

Giá trị: 506.19 tỷ

2.48 (2.38%)

Khối ngoại (ròng): -14.83 tỷ

UPCOM-INDEX

55.53

Giá trị: 0.24 tỷ

0.3 (0.54%)

Khối ngoại (ròng): -15.46 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.5	0.16%
Giá vàng	1,646	-0.81%
Tỷ giá USD/VND	23,251	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,252	0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,031	0.15%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	7.52%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-8.33%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	48.8	VCB	68.7
CTG	18.9	HAG	19.5
VIC	15.4	NVL	12.2
SBT	9.8	VRE	12.1
BID	2.3	PVT	9.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **16/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.4%**, con số này của VNINDEX là 0.7%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **16/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_3.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngân hàng	3.4%	-3.6%	-0.4%	5.8%	14.0%	19.2%	81.6%	21.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.9%	-2.9%	0.5%	3.5%	11.1%	9.0%	43.3%	19.3%
VN Diamond	2.8%	-2.5%	-2.4%	-2.3%	2.1%	10.2%	55.2%	17.2%
VN FinSelect	2.7%	-2.8%	0.1%	1.6%	8.3%	5.3%	36.8%	18.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.6%	-2.7%	-4.4%	-4.9%	-0.9%	7.6%	56.5%	17.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.2%	-1.7%	-3.9%	0.3%	4.3%	22.5%	90.1%	19.4%
Lãi suất giảm	2.0%	-3.6%	-1.1%	-4.3%	-8.2%	-4.9%	39.4%	17.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	2.0%	-1.5%	-5.7%	-8.0%	-6.8%	-5.6%	41.9%	14.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.6%	-1.5%	-5.4%	-6.1%	-4.1%	0.3%	49.5%	15.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.5%	-3.1%	-2.2%	-3.0%	-6.2%	1.0%	34.9%	14.6%
Vật liệu Xây dựng	1.3%	-0.6%	-4.8%	-7.2%	-6.3%	-0.9%	-2.7%	18.7%
Chiến tranh thương mại	1.1%	-3.2%	-6.0%	-12.7%	-18.1%	-9.1%	-2.2%	15.7%
BĐS & Khu công nghiệp	1.1%	-2.5%	-6.2%	-12.2%	-11.8%	-8.5%	35.1%	16.3%
Hàng tiêu dùng	1.0%	0.1%	-4.8%	-12.7%	-13.9%	-9.1%	39.8%	17.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	-3.7%	-9.3%	-14.9%	-19.2%	-22.6%	23.5%	21.4%
Dầu khí	0.8%	-4.5%	-9.6%	-20.7%	-22.1%	-17.0%	-5.0%	22.7%
Nước & Năng lượng	0.6%	-3.7%	-6.2%	-13.1%	-14.1%	-10.0%	32.0%	14.6%
Xây dựng	0.6%	-5.9%	-4.8%	-14.2%	-19.9%	-23.9%	-7.8%	18.3%
FTSE Việt Nam	0.2%	-0.1%	-7.7%	-10.0%	-10.0%	-11.3%	70.5%	15.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	-0.7%	-7.8%	-11.5%	-11.0%	-12.0%	59.8%	13.9%
Ngành Dược	-0.5%	-0.9%	7.9%	0.0%	7.4%	10.3%	40.8%	17.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 9	2.3%	-2.9%	-6.6%	-4.8%	0.2%	11.1%	72.7%	17.5%
Danh mục 14	2.1%	-3.2%	-4.8%	-6.9%	-3.8%	9.0%	51.3%	16.0%
Danh mục 1	2.0%	-2.6%	-7.4%	-2.7%	1.1%	5.5%	77.7%	17.3%
Danh mục 3	0.7%	-2.6%	-8.7%	-8.5%	-6.6%	6.4%	51.2%	18.3%
Danh mục 13	0.7%	-2.0%	-6.3%	-8.6%	-6.4%	4.6%	53.0%	15.5%

* Note **16/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 21	1.9%	-2.3%	-5.9%	-7.1%	-4.1%	5.0%	46.1%	15.9%
Danh mục 20	1.7%	-2.3%	-5.3%	-7.3%	-4.2%	5.5%	67.2%	16.8%
Danh mục 19	1.4%	-1.5%	-5.9%	-7.1%	-3.9%	7.6%	46.2%	15.4%
Danh mục 24	0.8%	-2.2%	-4.7%	-2.9%	-0.6%	9.5%	52.1%	19.2%
Danh mục 23	0.6%	-3.0%	-6.1%	-8.4%	-5.8%	-1.4%	38.5%	16.9%

* Note **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

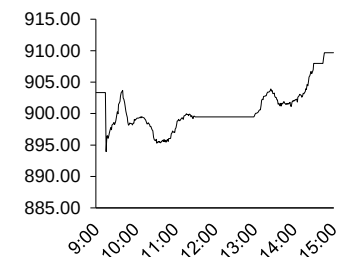
INDEX								
VNINDEX	0.7%	-2.0%	-7.0%	-9.1%	-8.8%	-7.9%	28.8%	15.4%
VN30INDEX	1.5%	-1.4%	-5.3%	-7.4%	-5.7%	-8.3%	28.1%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

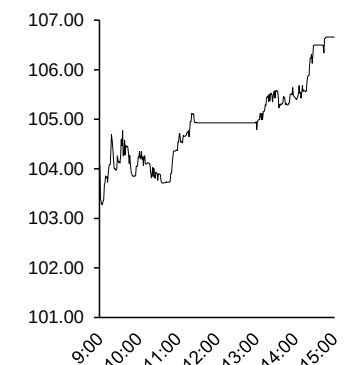
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	2.6%
Công nghệ Thông tin	2.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.4%
Bảo hiểm	1.2%
Tài nguyên Cơ bản	1.1%
Truyền thông	0.9%
Xây dựng và Vật liệu	0.8%
Dầu khí	0.7%
Bán lẻ	0.6%
Thực phẩm và đồ uống	0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.6%
Dịch vụ tài chính	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hóa chất	-0.1%
Y tế	-0.3%
Bất động sản	-0.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.7%
Du lịch và Giải trí	-2.0%
Ô tô và phụ tùng	-4.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

FPT_ Tín hiệu Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hồi tụ âm.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: FPT đang có tín hiệu hồi phục sau khi cổ phiếu điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ 52 (Fibonacci 23.6%). Thanh khoản cổ phiếu vẫn xấp xỉ ngưỡng trung bình giao dịch 20 phiên, cho thấy xu hướng tăng đang hình thành. Chỉ báo MACD ủng hộ xu hướng tích lũy trong khi chỉ báo RSI duy trì xu hướng tăng giá ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lại dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, cổ phiếu FPT có thể tăng trở lại ngưỡng kháng cự cũ tại vùng giá 58-60.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Luận điểm đầu tư

1. Xu hướng CN mới (Chuyển đổi số) và thị trường xuất khẩu rộng lớn đảm bảo tốc độ tăng trưởng ngành. Việt Nam tiếp tục có ưu thế nhờ nhân công giá rẻ, giá đầu cạnh tranh với đối thủ.
2. Tốc độ tăng trưởng hoạt động kinh doanh dự báo duy trì mức khả quan trong 2 – 3 năm tới với CAGR = 18%/năm.
3. Kỳ vọng gia tăng giá trị sản phẩm thông qua phát triển công nghệ mới và cơ hội M&A.

Catalyst

1. SCIC thoái vốn khỏi FPT

Rủi ro đầu tư

1. Cạnh tranh gay gắt tại khối Viễn thông và Nội dung số
2. Chi phí đầu tư hạ tầng viễn thông hàng năm lớn
3. Cạnh tranh trong việc tuyển dụng nguồn nhân lực

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 25/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 25/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	51.65	0.43%	-1.22%	-7.12%	-9.80%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	56.60	0.53%	-1.99%	-5.49%	-13.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	161.61	0.44%	0.08%	2.74%	2.98%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1655.56	-0.23%	3.37%	5.35%	27.52%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.62	-0.07%	2.46%	2.88%	21.42%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	886.25	0.42%	-1.77%	-4.01%	-9.01%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	539.00	0.79%	-4.6%	-6.91%	3.95%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.62	0%	-2.29%	-8.53%	5.52%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	183.60	-3.11%	-0.49%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.73	-2.58%	1.24%	1.10%	1.17%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	106.90	-3.04%	-4%	-5.61%	-7.25%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5689.00	-1.32%	-2.12%	-4.98%	-12.21%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3464.00	-0.55%	1.61%	-4.49%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1699.00	-0.85%	-1.28%	-5.35%	-10.86%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	667.00	-1.26%	4.54%	-1.46%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.25	-1.41%	-5.89%	-3.85%	-28.95%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent dầu thô Brent giảm 2.2 USD tương đương 3.8% xuống 56.3 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 1.95 USD tương đương 3.7% xuống 51.43 USD/thùng.
- Giá dầu giảm gần 4% do lo ngại virus corona lây lan mạnh tại các nước ngoài Trung Quốc, làm dấy lên mối lo ngại về ảnh hưởng đối với nhu cầu dầu thô. Thị trường chứng khoán toàn cầu cũng giảm mạnh do lo ngại về tác động của virus corona gia tăng, với các trường hợp nhiễm bệnh mới tại Iran, Italia và Hàn Quốc tăng mạnh.

Giá vàng

- Vàng giao ngay Vàng giao ngay tăng 1.7% lên 1,671.35 USD/ounce, trong phiên có lúc chạm 1,688.66 USD/ounce, cao nhất kể từ tháng 1/2013. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 1.7% lên 1,676.6 USD/ounce.
- Giá vàng tăng mạnh 2,8% lên mức cao nhất 7 năm, do các nhà đầu tư lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu khi virus corona lây lan mạnh ngoài Trung Quốc. Các nhà đầu tư xem vàng và các tài sản khác như trái phiếu chính phủ và đồng USD là tài sản trú ẩn an toàn trong thời kỳ bất ổn.

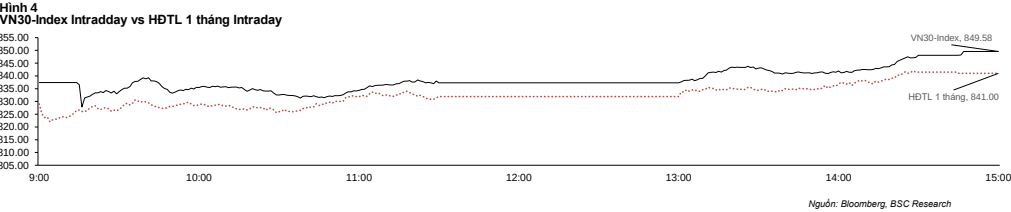
Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 0.6% lên 674 CNY (95.94 USD)/tấn, trong phiên có lúc tăng 2.2%. Tính đến nay, giá quặng sắt tăng 16.6% trong 10 phiên tăng liên tiếp vừa qua. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tăng 0.2%, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.6%.
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng phiên thứ 10 liên tiếp - chuỗi tăng dài nhất kể từ tháng 6/2016, do kỳ vọng Bắc Kinh sẽ đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ nền kinh tế yếu kém bởi tác động của virus corona bùng phát. Ngoài ra, giá quặng sắt còn được hỗ trợ bởi dự trữ tại các cảng của Trung Quốc tính đến ngày 21/2/2020 giảm xuống 128.6 triệu tấn, so với 130.65 triệu tấn tuần trước đó, tuần giảm thứ 2 liên tiếp.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3 giảm 0.3 US cent tương đương 1.9% xuống 15.29 US cent/lb. Đường trắng giao tháng 3 giảm 7.1 USD tương đương 4.1% xuống 416.3 USD/tấn. Giá đường và cà phê đều giảm do virus corona lây lan mạnh ngoài Trung Quốc tác động đến thị trường hàng hóa.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 4.5 US cent tương đương 4.1% xuống 1.0575 USD/lb. Cà phê Robusta giao cùng kỳ hạn cũng giảm 24 USD tương đương 1.85% xuống 1,272 USD/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	841.00	1.45%	-8.58	26.7%	162837	3/19/2020	25
VN30F2004	841.30	1.36%	-8.28	2.2%	285	4/16/2020	53
VN30F2006	848.00	1.56%	-1.58	-19.9%	113	6/18/2020	116
VN30F2009	846.10	1.82%	-3.48	-47.4%	41	9/17/2020	207

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 12.18 điểm lên mức 849.58 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, MBB, VNM và FPT tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 ở dưới mức tham chiếu vào phiên sáng nhưng đã tăng mạnh trong phiên chiều. VN30 có thể sẽ có những diễn biến khó lường trong những phiên tới.

- Các HDTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay đồng thuận với trạng thái tăng của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2003 và VN30F2004 tăng, trong khi VN30F2006 và VN30F2009 lại giảm. Bên cạnh đó, VN30F2003 và VN30F2004 cũng tăng về vị thế mở, còn các hợp đồng còn lại đều giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE1902	HSC	4/8/2020	43	4:1	169,850	308.1%	5.0 triệu	25.93%	1,300	310	520.00%	43.30	7.16
CVNM1906	VND	3/5/2020	9	2:1	111,600	-13.3%	1.0 triệu	20.06%	8,100	400	53.85%	16.70	23.95
CMBB1903	SSI	4/22/2020	57	1:1	185,890	-13.0%	3.0 triệu	21.69%	4,000	1,100	37.50%	324.40	3.39
CMBB2001	HSC	6/22/2020	118	2:1	328,670	-32.7%	5.0 triệu	21.69%	1,600	1,270	20.95%	540.40	2.35
CTCB1902	VND	6/5/2020	101	1:1	101,210	-56.2%	2.0 triệu	24.44%	5,300	2,830	16.46%	1,990.40	1.42
CFPT1905	SSI	4/22/2020	57	1:1	68,560	-43.8%	1.0 triệu	23.32%	9,900	2,990	15.89%	1,712.70	1.75
CVNM2001	HSC	6/22/2020	118	10:1	188,580	560.1%	5.0 triệu	20.06%	1,700	850	13.33%	180.10	4.72
CSTB2001	KIS	6/19/2020	115	1:1	205,700	-49.6%	5.0 triệu	22.50%	1,500	1,530	12.50%	724.80	2.11
CHDB2002	MBS	4/10/2020	45	2:1	228,290	50.2%	1.5 triệu	23.98%	1,950	1,650	12.24%	1,179.60	1.40
CVPB1901	VND	3/5/2020	9	1:1	206,530	143.0%	2.0 triệu	26.90%	1,500	9,810	10.22%	10,321.10	0.95
CVPB2001	HSC	6/22/2020	118	2:1	58,730	-70.7%	5.0 triệu	26.90%	1,500	4,800	9.09%	4,307.80	1.11
CFPT1908	MBS	6/17/2020	113	3:1	264,780	-26.3%	2.4 triệu	23.32%	3,150	1,900	8.57%	1,061.60	1.79
CHPG1909	KIS	5/15/2020	80	2:1	137,040	-66.9%	5.0 triệu	26.37%	1,800	780	8.33%	312.20	2.50
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	59	5:1	399,870	127.2%	2.0 triệu	21.90%	2,200	1,270	7.63%	596.40	2.13
CHPG2003	MBS	5/4/2020	69	3:1	273,030	-15.9%	6.0 triệu	26.37%	1,570	860	7.50%	4.90	175.51
CHPG1907	SSI	4/22/2020	57	1:1	71,280	-2.1%	1.0 triệu	26.37%	4,200	3,190	2.90%	2,450.80	1.30
CMWG2002	MBS	4/24/2020	59	10:1	244,260	66.8%	2.0 triệu	23.83%	1,950	1,220	1.67%	571.40	2.14
CROS2001	KIS	6/19/2020	115	4:1	2,525,290	140.7%	10.0 triệu	48.20%	1,500	110	0.00%	-	
CVRE2001	KIS	9/21/2020	209	4:1	105,310	294.6%	8.0 triệu	25.93%	1,500	770	-1.28%	122.30	6.30
CVJC1902	SSI	4/22/2020	57	1:1	36,180	446.5%	1.0 triệu	17.48%	27,900	8,840	-7.43%	2,600.90	3.40
CVHM1902	SSI	4/22/2020	57	1:1	17,680	-62.0%	1.0 triệu	21.95%	18,600	5,680	-11.39%	2,305.10	2.46
CFPT1906	HSC	4/8/2020	43	5:1	139,730	-7.0%	5.0 triệu	23.32%	1,700	540	-20.59%	148.00	3.65
CVRE2002	HSC	6/22/2020	118	4:1	125,970	402.3%	5.0 triệu	25.93%	1,400	670	-30.21%	215.10	3.11
Tổng:					6,068,360		78.90 triệu	24.66%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/2/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

- Về giá, CVRE1902 và CVNM1906 tăng mạnh nhất lần lượt là 520% và 53.8%, ở chiều hướng ngược lại, CVRE2002 và CFPT1906 giảm mạnh nhất lần lượt là 30.2% và 20.6%. Thanh khoản thị trường giảm 11.5%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 33.03% thị trường.

- Hầu hết chứng quyền có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, trừ CVPB1901. CVPB1901 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	28.30	5.60	3.49
TCB	22.20	3.26	2.17
MBB	20.80	3.48	1.33
VNM	108.00	1.50	1.21
FPT	54.00	2.86	1.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	83.1	-1.07	-0.46
VCB	86.2	-1.15	-0.41
VJC	127.0	-0.78	-0.36
MSN	50.6	-0.98	-0.32
VIC	107.0	-0.28	-0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE1902	37,700	32,500	29,200
CVNM1906	130,225	114,025	108,000
CMBB1903	26,000	22,000	20,800
CMBB2001	24,200	21,000	20,800
CTCB1902	26,300	21,000	22,200
CFPT1905	64,900	55,000	54,000
CVNM2001	137,000	120,000	108,000
CSTB2001	12,499	10,999	11,150
CHDB2002	29,900	26,000	28,000
CVPB1901	21,500	18,000	28,300
CVPB2001	23,000	20,000	28,300
CFPT1908	63,450	54,000	54,000
CHPG1909	28,280	24,680	23,100
CPNJ2001	94,500	83,500	83,000
CHPG2003	26,810	22,100	23,100
CHPG1907	25,200	21,000	23,100
CMWG2002	129,500	110,000	107,000
CROS2001	32,468	26,468	7,800
CVRE2001	42,789	36,789	29,200
CVJC1902	157,900	130,000	127,000
CVHM1902	103,600	85,000	83,100
CFPT1906	65,500	57,000	54,000
CVRE2002	37,600	32,000	29,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	107.0	0.8%	0.8	2,108	3.2	8,655	12.4	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	83.0	2.2%	1.2	813	2.8	5,327	15.6	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	56.9	1.6%	1.3	1,836	0.2	1,632	34.9	2.2	29.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.2	0.0%	0.7	314	0.0	2,859	10.9	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	107.0	-0.3%	0.9	15,736	2.5	2,268	47.2	4.8	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	29.2	-0.5%	1.1	2,885	1.3	1,253	23.3	2.5	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.7	0.2%	0.8	2,264	1.3	3,563	15.1	2.3	6.5%	16.3%
REE	Bất động sản	34.3	1.8%	1.1	462	0.9	5,286	6.5	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.1	2.1%	1.6	275	0.8	2,849	4.2	0.9	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	16.4	0.9%	1.4	369	1.2	1,787	9.2	0.9	53.9%	9.9%
VCI	Chứng khoán	27.5	1.1%	1.0	197	0.0	4,218	6.5	1.1	35.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.6	0.3%	1.9	234	1.0	1,421	12.4	1.2	55.0%	11.7%
FPT	Công nghệ	54.0	2.9%	0.9	1,592	3.2	4,225	12.8	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	47.0	0.0%	0.4	508	0.0	4,156	11.3	2.8	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	83.0	-1.1%	1.5	6,907	1.3	6,096	13.6	3.3	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	50.8	0.4%	1.5	2,630	0.6	3,495	14.5	2.6	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	15.7	1.9%	1.4	326	1.5	1,529	10.3	0.6	20.7%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.4	1.4%	0.8	998	0.6	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	98.0	0.0%	0.5	557	0.2	4,668	21.0	3.8	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.9	0.4%	0.6	202	0.1	774	15.4	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.1	0.2%	0.6	140	0.1	600	10.2	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	86.2	-1.1%	1.2	13,900	4.6	5,004	17.2	3.7	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	48.8	5.4%	1.7	8,534	1.8	2,398	20.4	2.6	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.1	7.0%	1.5	4,225	10.6	2,541	10.3	1.3	29.6%	13.1%
VPB	Ngân hàng	28.3	5.6%	1.2	2,999	7.1	3,370	8.4	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.8	3.5%	1.1	2,123	10.5	3,480	6.0	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.1	4.6%	1.2	1,808	8.8	3,686	6.8	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	42.4	1.0%	0.8	151	0.4	5,165	8.2	1.4	79.8%	17.2%
NTP	Nhựa	29.1	1.4%	0.2	124	0.0	4,167	7.0	1.1	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	0.0%	1.1	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.1	1.8%	1.0	2,773	5.3	2,581	9.0	1.3	38.6%	17.0%
HSG	Thép	7.9	1.4%	1.8	145	1.3	1,161	6.8	0.6	18.4%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	108.0	1.5%	0.8	8,177	5.6	5,478	19.7	6.8	58.6%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	178.0	0.0%	0.8	4,963	0.1	7,477	23.8	6.1	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.6	-1.0%	1.2	2,572	2.0	4,772	10.6	1.4	38.7%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	21.9	0.2%	0.4	559	2.4	508	43.2	1.8	6.5%	4.4%
ACV	Vận tải	53.9	-1.3%	0.8	5,102	0.6	2,630	20.5	3.8	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	127.0	-0.8%	1.1	2,893	1.4	7,889	16.1	4.3	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	23.9	-4.6%	1.7	1,474	1.0	1,640	14.6	1.9	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	19.2	1.3%	0.9	247	0.2	1,595	12.0	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	12.5	-2.3%	0.6	153	0.7	2,421	5.2	0.8	31.5%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	68.0	3.0%	1.1	473	0.8	8,824	7.7	3.2	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	2.8%	0.7	361	0.4	1,454	12.7	1.3	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.5	-0.3%	0.9	241	0.0	1,953	7.4	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	63.8	2.4%	1.0	212	0.6	8,858	7.2	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.2	0.4%	1.0	465	0.1	1,567	15.4	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	22.8	-0.9%	0.3	246	0.4	2,769	8.2	1.0	50.4%	12.9%
POW	Điện	10.0	-0.5%	0.6	1,013	1.4	1,064	9.4	0.9	13.0%	9.7%
NT2	Điện	19.5	0.3%	0.5	243	0.5	2,577	7.5	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	48.80	5.40	2.92	878610.00
CTG	26.10	6.97	1.84	9.76MLN
VPB	28.30	5.60	1.07	6.05MLN
VNM	108.00	1.50	0.81	1.20MLN
TCB	22.20	3.26	0.71	3.24MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.10	4.58	1.77	8.28MLN
SHB	7.30	2.82	0.27	14.03MLN
PVS	15.70	1.95	0.07	2.18MLN
VCS	68.00	3.03	0.07	269500.00
IDJ	16.70	9.87	0.05	272600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.08	1.23MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.88	410300.00	607060.00
GAS	0.00	-0.50	348890.00	373600.00
HVN	0.00	-0.47	970060.00	192700.00
TCH	-0.01	-0.30	1.06MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIF	17.20	-4.44	-0.03	800.00
MBG	16.50	-4.62	-0.02	844800.00
TV3	29.20	-9.88	-0.01	100.00
VNT	38.50	-9.84	-0.01	1700.00
IVS	8.20	-4.65	-0.01	7800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	42.80	7.00	0.16	1980.00
CTG	26.10	6.97	1.84	9.76MLN
BRC	9.69	6.95	0.00	30.00
HAI	2.62	6.94	0.01	4.06MLN
PGD	37.95	6.90	0.06	70.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.90	12.5	0.00	91700.00
MST	6.60	10.0	0.01	803300.00
IDJ	16.70	9.9	0.05	272600.00
DNM	14.80	9.6	0.00	37600.00
MAC	5.70	9.6	0.01	500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	7.18	-6.99	0.00	10.00
CEE	14.05	-6.95	-0.01	1660.00
VNL	14.75	-6.94	0.00	10.00
TEG	4.56	-6.94	0.00	650.00
FIT	8.05	-6.94	-0.04	2.69MLN

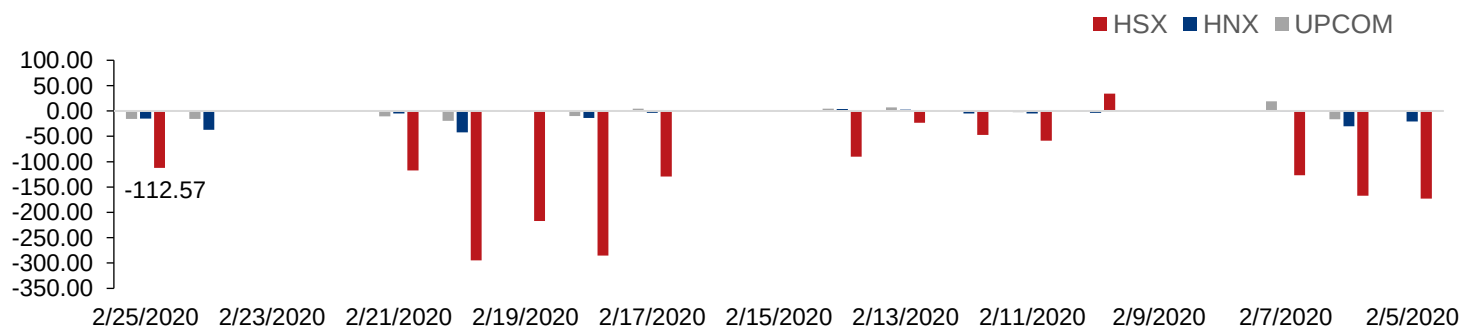
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	-14.29	0.00	18400.00
KTS	10.80	-10.00	-0.01	300.00
VTC	9.90	-10.00	0.00	200.00
TV3	29.20	-9.88	-0.01	100.00
VNT	38.50	-9.84	-0.01	1700.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
5	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
6	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
20	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	107.0	8,655	12.4	3.9	Click
2	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.3	6,362	5.1	1.2	Click
3	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	54.0	4,225	12.8	2.6	Click
4	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	22.8	2,109	10.8	1.7	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	27.3	3,897	7.0	1.2	Click
6	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	98.0	4,668	21.0	3.8	Click
7	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.5	5,020	5.3	1.2	Click
8	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	83.0	5,327	15.6	4.1	Click
9	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.5	2,421	5.2	0.8	Click
10	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	165.0	29,035	5.7	4.5	Click
11	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	12.6	0	35.8	0.4	Click
12	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	107.0	8,655	12.4	3.9	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.1	3,686	6.8	1.5	Click
14	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.6	2,736	4.6	0.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.2	2,881	7.7	1.3	Click
16	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	86.2	5,004	17.2	3.7	Click
17	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	27.5	7,028	3.9	1.4	Click
18	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	54.0	4,225	12.8	2.6	Click
19	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	27.3	3,897	7.0	1.2	Click
20	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	14.6	2,236	6.5	0.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn